

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG NÊN THAM KHẢO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐÁU GIÁ TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐÁU GIÁ. VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHẦN NÀY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHÀO BÁN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN CHO CÔNG TY MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ CỦA CÔNG TY

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI
CTCP LIÊN HIỆP THỰC PHẨM

TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC - CÔNG TY TNHH
(SCIC)

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 62780 191 - Fax: (84-4) 2780136

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HIỆP THỰC PHẨM

Trụ sở chính : Số 267 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
Điện thoại : 043.3824230 Fax: 043.3827836

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG (OCS)

Trụ sở: Tầng 1&7 – tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17 – KĐT Trung Yên, P.Trung Hòa,
Q.Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 37726699 - Fax: 04 37726763



MỤC LỤC

I.	CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	6
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1.	Rủi ro về kinh tế	7
2.	Rủi ro về cơ chế, chính sách, pháp luật	10
3.	Rủi ro từ đợt chào bán	10
4.	Rủi ro khác.....	10
III.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	10
1.	Tổ chức phát hành.....	10
2.	Tổ chức tư vấn bán đấu giá	11
3.	Tổ chức chào bán cổ phần	11
IV.	CÁC KHÁI NIỆM	11
V.	GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÀO BÁN CỔ PHẦN	11
VI.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ	12
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	12
1.1.	<i>Giới thiệu về công ty</i>	12
1.2.	<i>Quá trình hình thành và phát triển.....</i>	13
2.	Sơ đồ tổ chức và quản lý của Công ty.....	13
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý.....	14
4.	Danh sách các cổ đông lớn; Cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	15
1.5	<i>Danh sách các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tính đến hết ngày 31/05/2015</i>	15
1.6	<i>Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ</i>	15
1.7	<i>Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/05/2015</i>	16
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành: Không có	16
6.	Hoạt động kinh doanh.....	16
6.1	<i>Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm</i>	17
6.2	<i>Nguyên vật liệu.....</i>	19
6.3	<i>Chi phí sản xuất</i>	20
6.4	<i>Trình độ công nghệ.....</i>	21
6.5	<i>Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....</i>	22
6.6	<i>Hoạt động Marketing.....</i>	23
6.7	<i>Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế.....</i>	23

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần nhất	24
7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 2012, 2013 và năm 2014	24
7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm ..	25
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	25
8.1 Vị thế của Công ty trong ngành	25
8.2 Triển vọng phát triển của ngành.....	26
9. Chính sách đối với người lao động.....	27
9.1 Số lượng người lao động trong công ty	27
9.2 Chính sách đối với người lao động	27
10. Chính sách cổ tức.....	27
11. Tình hình tài chính.....	28
11.1 Khấu hao tài sản cố định	28
11.2 Các khoản phải nộp theo luật định	28
11.3 Trích lập các quỹ theo luật định.....	28
11.4 Tổng dư nợ vay.....	29
11.5 Tình hình công nợ	29
11.6 Tình hình khoản đầu tư.....	30
11.7 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu qua 2 năm 2013, 2014	31
11.8 Tình hình tài sản.....	32
11.9 Tình hình sử dụng đất đai	33
12. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	33
12.1 Hội đồng Quản trị.....	34
12.2 Ban Giám đốc.....	39
12.3 Ban kiểm soát.....	40
12.4 Kế toán trưởng	42
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	42
14. Căn cứ đề ra kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	43
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phần chào bán.....	43
16. Các lưu ý về Bản Công bố thông tin	43
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN CỔ PHẦN.....	44
1. Những thông tin cơ bản về đợt bán cổ phần	44
2. Mục đích chào bán.....	44

3. Phương thức phân phối.....	44
4. Thời gian đăng ký, bỏ phiếu, và tổ chức buổi đấu giá.....	44
5. Giới hạn mua cổ phần.....	44
6. Các loại thuế có liên quan	45
VIII. PHỤ LỤC.....	45

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

Cổ phần phát hành	:	Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm
Loại cổ phần chào bán	:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá một cổ phần	:	10.000 đồng/cổ phần
Vốn điều lệ	:	60.000.000.000 Việt Nam Đồng
Tổng số CP chào bán	:	1.931.900 cổ phần (<i>Một triệu, chín trăm ba mươi mốt ngàn, chín trăm cổ phần</i>) tương đương 32,2% vốn điều lệ
Giá khởi điểm đấu giá	:	12.000 đồng/cổ phần
Hình thức bán cổ phần	:	Bán đấu giá cả lô công khai qua Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Giới hạn	:	Nhà đầu tư trong nước và nước ngoài được mua với số cổ phần là 1.931.900 cổ phần.
Bước giá	:	100 Việt Nam Đồng/01 cổ phần
Mức giá trong đấu giá	:	Mỗi nhà đầu tư được đăng ký 01 mức giá, tổng khối lượng đặt mua của các mức giá đúng bằng số cổ phần đã đăng ký và đặt cọc
Phương thức thanh toán	:	Theo quy chế đấu giá do Sở GDCK Hà Nội ban hành
Địa điểm đấu giá	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

NỘI DUNG

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;
- Căn cứ Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 09 năm 2014 về Một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước;
- Căn cứ Công văn số 2660/BTC-UBCK hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan đến thoái vốn thông qua đấu giá cổ phần và việc niêm yết, đăng ký giao dịch của các doanh nghiệp cổ phần hóa;
- Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Căn cứ Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ
- Căn cứ Quyết định số 895/QĐ-UBCK của Ủy ban chứng khoán ngày 29/10/2012 về việc ban hành quy chế mẫu về bán đấu giá cổ phần tại Sở giao dịch Chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-ĐTKDV.HĐQT ngày 14/04/2014 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) về việc ban hành Quy chế bán cổ phần của SCIC tại doanh nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 349/QĐ-ĐTKDV ngày 10/07/2015 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) v/v tổ chức bán đấu giá phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm;
- Căn cứ Hợp đồng số 25/2013/OCS-SCIC ngày 08/10/2013 giữa Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Dương với Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Chi nhánh miền trung về tổ chức đấu giá cổ phần thuộc phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm;

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

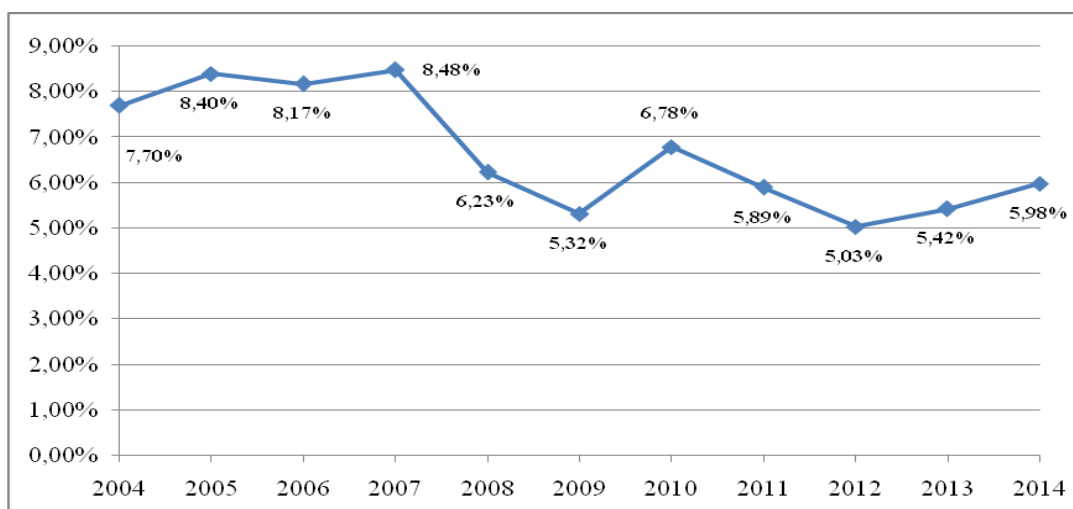
✚ Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Từ năm 2002-2007 nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng khá ổn định và đều đặn. Sang năm 2008, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, kinh tế Việt Nam cũng bị tác động đáng kể, năm 2008 tăng trưởng GDP chỉ đạt 6,23% thấp hơn so với kế hoạch đặt ra. Từ năm 2008 – 2011 tốc độ kinh tế duy trì ở mức từ 5 - 6%, đây là giai đoạn Việt Nam đối mặt với tình hình kinh tế không ổn định, bị tác động bởi cuộc khủng hoảng tài chính trong và ngoài nước.

Đến năm 2012 trong khi bức tranh kinh tế thế giới âm ảm, đối mặt với nguy cơ suy thoái kinh tế đặc biệt là cuộc khủng hoảng nợ công Châu Âu, tỷ lệ mất việc làm gia tăng ở các nước Châu Á và Mỹ, làn sóng phá sản của các doanh nghiệp tăng cao, kinh tế Việt Nam có những diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2012 vẫn đạt 5,03%.

Tỷ lệ tăng trưởng GDP qua các năm 2004 - 2014



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Năm 2013 tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 5,24% so với năm 2012 trong đó khu vực nông nghiệp và thủy sản tăng 2,67%, công nghiệp và xây dựng tăng 5,43%, khu vực dịch vụ tăng 6,56%. Về cơ cấu quy mô nền kinh tế khu vực lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 18,4%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,3% và khu vực dịch vụ chiếm 43,3% (Năm 2012 các tỷ trọng tương ứng là: 19,7%; 38,6% và 41,7%).

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2014 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu. Các nền kinh tế lớn phát triển theo hướng đẩy nhanh tăng trưởng

nhưng có nhiều yếu tố rủi ro trong việc điều chỉnh chính sách tiền tệ. Trong khi đó, nhiều nền kinh tế mới nổi gặp trở ngại từ việc thực hiện chính sách thắt chặt để giảm áp lực tiền tệ.

Ở trong nước, sản xuất kinh doanh chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới, cùng với những khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như áp lực về khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm; năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp thấp...

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 tăng 5,98% so với năm 2013, trong đó quý I tăng 5,06%; quý II tăng 5,34%; quý III tăng 6,07%; quý IV tăng 6,96%. Mức tăng trưởng năm nay cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và mức tăng 5,42% của năm 2013 cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế.

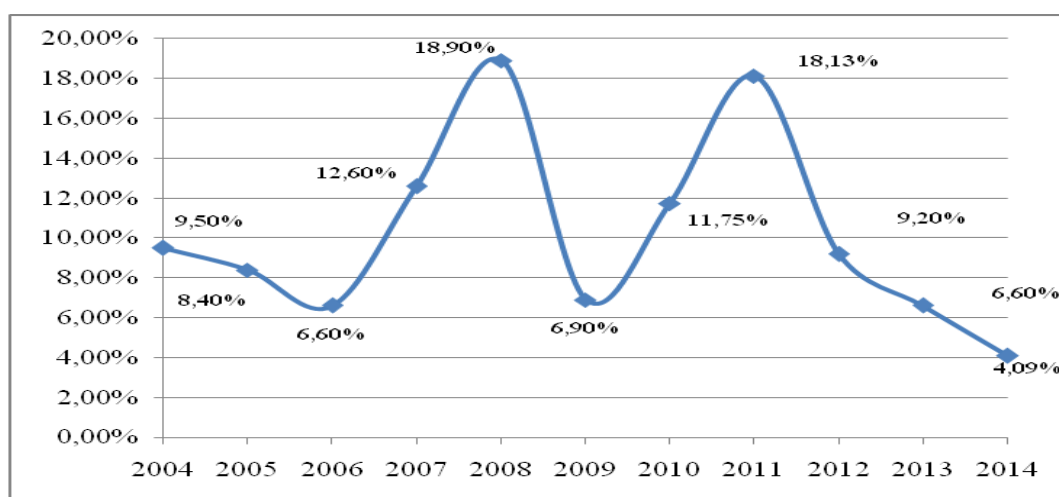
6 tháng đầu năm 2015, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,28% so với cùng kỳ năm 2014, trong đó quý I tăng 6,08%; quý II tăng 6,44%. Trong mức tăng 6,28% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,36%, đóng góp 0,42 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,09%, đóng góp 2,98 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 5,90%, đóng góp 2,22 điểm phần trăm, điều này cho thấy dấu hiệu cải thiện của khu vực công nghiệp và xây dựng đặc biệt là lĩnh vực bất động sản với dấu hiệu ấm lên của phân khúc nhà ở có thu nhập trung bình thấp.

Việc áp dụng và điều hành nền kinh tế một cách ổn định và hiệu quả của Chính phủ sẽ giúp giảm thiểu các rủi ro kinh tế cho các doanh nghiệp nói chung và cho Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm nói riêng.

🚩 Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát trong nền kinh tế. Trong những năm gần đây Việt Nam liên tục đứng trước sức ép của lạm phát gia tăng.

Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm 2004 – 2014



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tỷ lệ lạm phát không ổn định qua các năm, điển hình năm 2008 lạm phát tăng mức cao nhất trong giai đoạn 2004-2014 lên đến 18,9% gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của nền kinh tế, giá cả leo thang, các doanh nghiệp huy động vốn với lãi suất cao, chi phí tài chính tăng dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh suy giảm. Năm 2011 lạm phát tiếp tục lên hai con số và đạt mốc 18,13%, tuy nhiên năm 2012 với việc ban hành nhiều chính sách tích cực Chính phủ đã kiểm soát được lạm phát dưới mức 2 con số và đạt 9,21%.

Lạm phát cả năm 2013 tăng 4,09% so với bình quân năm 2013, mức tăng khá thấp trong 10 năm trở lại đây. Chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp dưới 2 con số và giữ ổn định chứng tỏ các điều kiện kinh tế vĩ mô đã đi vào ổn định, Chính phủ điều chỉnh mức tăng giá và lãi suất đầu vào, đầu ra nhằm đảm bảo duy trì ổn định và kìm chế lạm phát ở mức thấp đảm bảo môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp...

Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm là Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ do vậy Công ty chịu tác động trực tiếp từ những biến động của nền kinh tế, biến động giá cả hàng hóa, các chính sách của Nhà nước. Đứng trước những khó khăn bộ máy lãnh đạo và tập thể CBCNV Công ty có chính sách sản xuất kinh doanh thích hợp chính sách tiết kiệm chi phí để đảm bảo đạt được mục tiêu doanh thu lợi nhuận đã đề ra

Lãi suất

Trước các diễn biến khó khăn của nền kinh tế kéo dài từ năm 2011, năm 2012, Ngân hàng Nhà Nước vẫn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt và bước đầu thu được kết quả trong việc kiểm chế lạm phát. Trong 9 tháng đầu năm 2012, Ngân hàng Nhà Nước đã có những động thái tích cực là đưa trần lãi suất cho vay xuống mức 15%/năm, và có những bước đi mạnh mẽ nhằm đưa lãi suất đối với các khoản vay cũ xuống dưới 15%/năm.

Năm 2013, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành thông báo điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành và lãi suất tiền gửi tối đa đối với các tiền gửi bằng VND của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Bên cạnh đó, Ngân hàng nhà nước cũng điều chỉnh giảm lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND đối với một số lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ cao) từ 10%/năm xuống còn 9%/năm.

Ngày 17/3/2014, Ngân hàng Nhà nước ban hành quyết định chính thức về việc giảm trần lãi suất suất huy động với các kỳ hạn dưới 6 tháng. Theo đó, trần lãi suất áp dụng với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 1,2% xuống 1%/năm. Còn trần lãi suất áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm từ 7%/năm xuống 6%/năm. Với các kỳ hạn huy động trên 6 tháng, các ngân hàng được ấn định lãi suất trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường. Lãi suất cho vay với các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao giảm từ 9%/năm xuống 8%/năm, ... Từ đầu năm đến nay, tùy từng lĩnh vực khác nhau, lãi suất đã giảm 0,5-2% và sẽ tiếp tục giảm thêm để cả năm biên độ giảm đạt 1,5-2% mặt bằng lãi suất các loại kỳ hạn.

Việc giảm trần lãi suất là dựa trên cơ sở điều kiện, diễn biến kinh tế vĩ mô. Thời gian qua lạm phát đã được kiểm chế ở mức thấp, thanh khoản của hệ thống ngân hàng được đảm bảo. Tuy

nhiên, hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp vẫn còn khó khăn. Do vậy việc giảm trần lãi suất là cơ sở để các ngân hàng giảm thêm lãi suất cho vay, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp được tiếp cận nguồn vốn với chi phí thấp. Thị trường tiền tệ nói chung và lãi suất thị trường đã có dấu hiệu dần trở lại ổn định

2. **Rủi ro về cơ chế, chính sách, pháp luật**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật của Nhà nước, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, và các luật chuyên ngành có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Do hệ thống Pháp luật Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi cũng như những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, để hạn chế rủi ro này, Công ty phải thường xuyên theo dõi cập nhật kịp thời, nắm bắt đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược phát triển cho phù hợp.

3. **Rủi ro từ đợt chào bán**

Đợt chào bán có rủi ro là số lượng cổ phiếu chào bán không được mua hết, tuy nhiên đây là đợt chào bán nhằm chuyển quyền sở hữu cổ phần tại Doanh nghiệp, không phải thuộc đợt chào bán huy động vốn, do đó trong trường hợp không bán hết thì hoạt động của Doanh nghiệp vẫn diễn ra bình thường.

4. **Rủi ro khác**

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây ra thiệt hại cho tài sản, con người, và tình hình hoạt động chung của Công ty, nên cần phải có biện pháp đề phòng và có biện pháp đề phòng chống các rủi ro có thể xảy ra.

III. **NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

1. **Tổ chức phát hành**

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HỢP THỰC PHẨM

Trụ sở chính : Số 267 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại : 043.3824230 Fax: 043.3827836

Đại diện : Ông Nguyễn Tuấn Tú

Chức vụ : Giám đốc Công ty

Chúng tôi xác nhận rằng SCIC là cổ đông có quyền sở hữu đầy đủ và hợp pháp đối với số cổ phần chào bán và đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý. Việc chào bán cổ phần này không phải là đợt chào bán để huy động vốn cho Công ty mà chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông và không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

2. Tổ chức tư vấn bán đấu giá**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Trụ sở chính: Tầng 1&7 – tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17 – KĐTMT Trung Yên,
P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04 37726699 - Fax:04 37726763

Đại diện: Ông Vũ Hồng Sơn

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Liên hợp thực phẩm do CTCP Chứng khoán Đại Dương tham gia lập và công bố trên cơ sở Hợp đồng số 25/2013/OCS-SCIC ngày 08/10/2013 với Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Liên hợp thực phẩm cung cấp

3. Tổ chức chào bán cổ phần**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC)**

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 3824 0703 Fax:(84-4)62780136

Đại diện : Bà **Nhữ Thị Hồng Liên**

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

IV. CÁC KHÁI NIỆM

Một số từ hoặc nhóm từ sử dụng trong Bản Công bố thông tin được hiểu như sau:

Công ty	: Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm
Đại diện phần vốn nhà nước	: Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.
Tổ chức bán đấu giá	: Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Tổ chức tư vấn	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương
HDQT	: Hội đồng Quản Trị
BKS	: Ban Kiểm soát
CP	: Cổ phần
TSCĐ	: Tài sản cố định
SX	: Sản xuất
UV HDQT	: Ủy viên Hội đồng Quản Trị
CTCP	: Công ty cổ phần
SCIC	: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

V. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÀO BÁN CỔ PHẦN**1. Thông tin về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)****1.1 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) được thành lập theo Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Với chức năng quản lý, đầu tư, và kinh doanh vốn nhà nước, sự ra đời của SCIC nằm trong tiến trình cải cách kinh tế nói chung và cải cách doanh nghiệp nói riêng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước. SCIC là đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, thực hiện đầu tư vào các ngành, lĩnh vực quan trọng của kinh tế nhà nước trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc thị trường.

Chính thức đi vào hoạt động tháng 8 năm 2006, SCIC quản lý danh mục đầu tư gồm các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế như: dịch vụ, tài chính, năng lượng, công nghiệp, viễn thông, xây dựng, vận tải, hàng tiêu dùng, y tế, công nghệ thông tin.

SCIC được Thủ tướng chính phủ ra quyết định chuyển sang mô hình Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 992/QĐ-TTg ngày 10/06/2010.

1.2 *Mối quan hệ với công ty có cổ phiếu được chào bán*

SCIC là cổ đông Nhà nước của Công ty cổ phần Liên hợp thực phẩm.

1.3 *Tỷ lệ sở hữu cổ phần chào bán/tổng số lượng cổ phần đang lưu hành*

Tại thời điểm 31/05/2015 số cổ phiếu lưu hành của Công ty cổ phần Liên hợp thực phẩm là 6.000.000 cổ phần. Tổng số cổ phần SCIC đang sở hữu là 1.931.900 cổ phần tương đương 32,2% vốn điều lệ.

1.4 *Tỷ lệ cổ phiếu chào bán/cổ phiếu đang sở hữu*

SCIC chào bán toàn bộ số lượng cổ phiếu đang sở hữu Công ty cổ phần Liên hợp thực phẩm, tương đương tỷ lệ chào bán/tỷ lệ sở hữu là 100%.

VI. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC BÁN ĐÁU GIÁ

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. *Giới thiệu về công ty*

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HỢP THỰC PHẨM

Trụ sở chính : Số 267 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại : 043.3824230 Fax: 043.3827836

Vốn điều lệ : 60.000.000.000 đồng (*Sáu mươi tỷ đồng*)

Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0500238265 cấp lần đầu ngày 15/01/2005, sửa đổi lần thứ 6 ngày 29/10/2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Ngành nghề kinh doanh:

- Công nghiệp bia, nước giải khát, rượu, bánh mứt các loại;
- Chế biến kinh doanh thực phẩm chất lượng cao từ nông sản;

- Dịch vụ ăn uống phục vụ hội nghị;
- Bán buôn bán lẻ hàng hóa thực phẩm và công nghệ thực phẩm;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khách sạn;
- Nhà khách, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự;
- Nhà hàng quán ăn, hàng ăn uống;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;

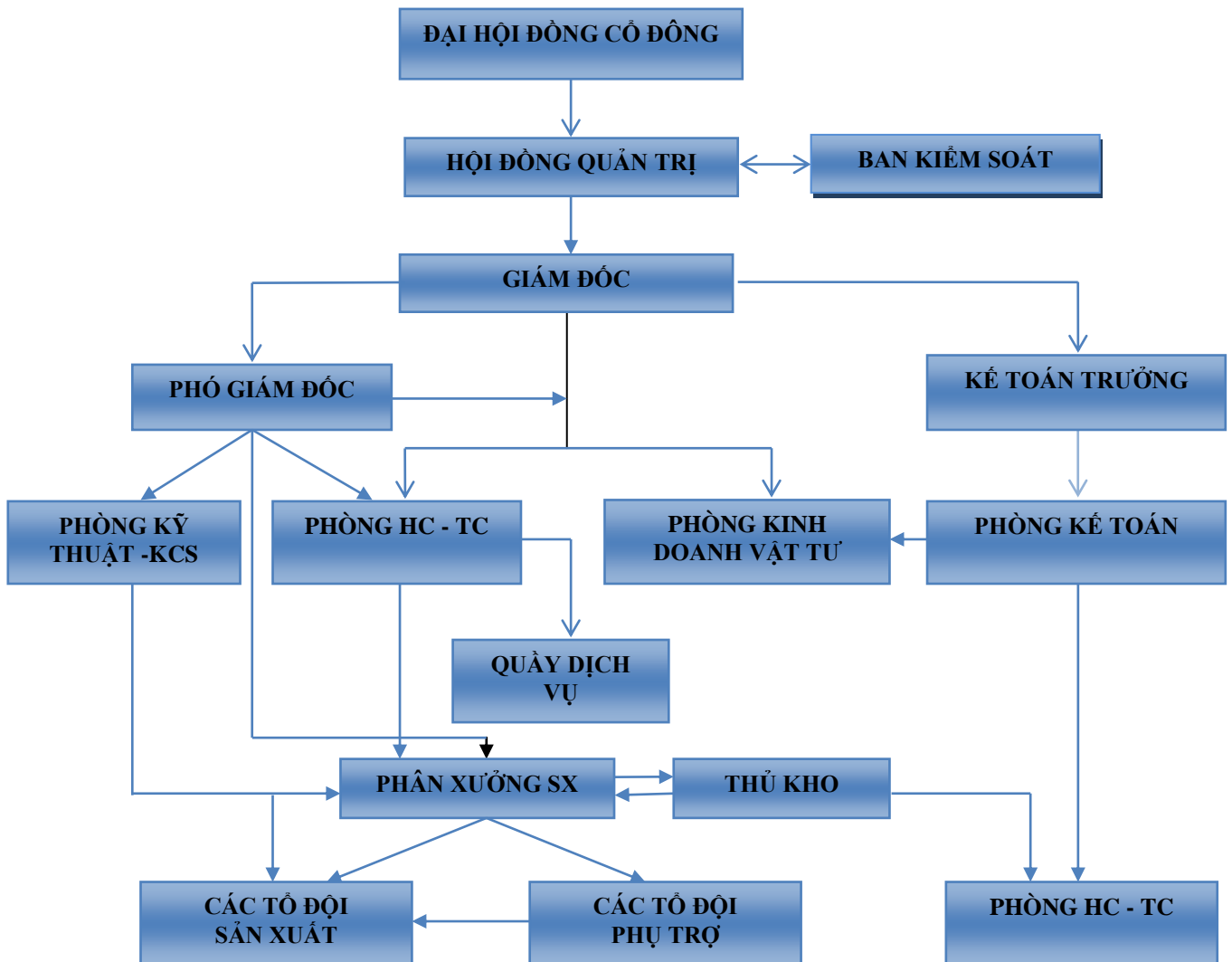
1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm tiền thân là Công ty Liên hợp Thực phẩm, là doanh nghiệp Nhà Nước trực thuộc Bộ Thương mại. Công ty được thành lập năm 1969, bắt đầu đi vào sản xuất năm 1971 với các sản phẩm như bánh mì, mì sợi, kẹo, các sản phẩm sản xuất theo yêu cầu của tỉnh nên sản lượng cung cấp rất cao.

Thực hiện theo chủ trương của Nhà Nước chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ Phần, ngày 07/12/2014 Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tây ra Quyết định số 1346/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Liên hợp thực phẩm thành Công ty Cổ phần Liên hợp thực phẩm. Năm 2005, Công ty cổ phần hóa thành công và chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm, với sản phẩm chủ yếu là bia phục vụ trong địa bàn Quận Hà đông và các khu vực lân cận

2. Sơ đồ tổ chức và quản lý của Công ty

Sơ đồ tổ chức của Công ty như sau:



3. Cơ cấu bộ máy quản lý

➤ Đại Hội Đồng Cổ đông

Đại Hội Đồng Cổ đông là tổ chức quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông có trách nhiệm đưa ra những chính sách dài hạn và ngắn hạn về việc phát triển của Công ty, bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

➤ Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi và hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch kinh doanh, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

➤ Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng Cổ đông, do Đại hội Đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty.

➤ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm cao nhất trước Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, và pháp luật về toàn bộ việc tổ chức kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty.

➤ **Các phòng ban chức năng**

Các phòng chuyên môn nghiệp vụ thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động kinh doanh được hiệu quả.

4. Danh sách các cổ đông lớn; Cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

1.5 Danh sách các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tính đến hết ngày 31/05/2015

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số CMND/ Mã số doanh nghiệp	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	127 Đường Nguyễn Du, P Bến Thành, Q1, TP HCM	303543693	2.098.520	34,98%
2	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	0106000737	1.931.900	32,20 %
3	Công ty Cổ phần Đại lý Liên Hiệp vận chuyển	Số 6 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q1, TP HCM	0301116791	1.592.890	26,55%

(Nguồn: Theo danh sách cổ đông CTCP Liên hợp Thực phẩm ngày 31/05/2015)

1.6 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Theo giấy Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0500238265 cấp lần đầu ngày 15/01/2005, sửa đổi lần thứ 6 ngày 29/10/2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, danh sách Cổ đông sáng lập như sau:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số CMND/ Mã số doanh nghiệp	Số cổ phần (Cổ phần)	Thành tiền (VNĐ)
1	Nguyễn Thị Phụng	Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Hà Nội	111448143	17.000	170.000.000

2	Đỗ Xuân Thắng	Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Hà Nội	111558308	14.000	140.000.000
3	Đào Tiến Xuân	Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Hà Nội	111123796	14.500	145.000.000
4	Nguyễn Thị Chung	Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Hà Nội	111044237	12.150	121.500.000
5	Lưu Xuân Hải	Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Hà Nội	111067055	11.350	113.500.000
6	Các cổ đông sáng lập khác			208.460	2.084.600.000
7	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	0106000737	965.950	9.659.500.000

(Nguồn: Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0500238265 cấp lần 6 ngày 29/10/2010)

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 84 Luật Doanh nghiệp, trong thời hạn 3 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Tính đến hiện tại đã quá 03 năm kể từ ngày 15/01/2010, nên các cổ đông sáng lập của Công ty được tự do chuyển nhượng số cổ phần của mình.

1.7 Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/05/2015

STT	Danh mục	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	6.000.000	60.000.000.000	100
	<i>Tổ chức</i>	<i>5.623.310</i>	<i>56.233.100.000</i>	<i>93,72</i>
	<i>Cá nhân</i>	<i>376.690</i>	<i>3.766.900.000</i>	<i>6,28</i>
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	<i>Tổ chức</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
	<i>Cá nhân</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Tổng cộng		6.000.000	60.000.000.000	100

5. **Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành: Không có**

6. Hoạt động kinh doanh

Công ty tiến hành kinh doanh các hoạt động chính sau:

Hoạt động sản xuất bia hơi :

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bia trong đó sản phẩm chủ yếu là bia chai và bia hơi. Năm 1989 Công ty bắt đầu đầu tư dây chuyền sản xuất bia hơi với công suất 1.000 lít/ngày, năm 1991 công suất của Nhà máy được nâng cấp lên 1 triệu lít/năm, năm 2002 và đầu 2003 công ty tiếp tục nâng cấp hệ thống nấu và sản xuất bia lên 6-7 triệu lít/năm, và lắp đặt dây chuyền sản xuất bia chai với công suất 8.000 chai/h vào năm 2005. Trong những năm gần đây, Công ty gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng kinh tế chung, sức cầu giảm, cạnh tranh trong ngành sản xuất và chế biến lương thực thực phẩm ngày càng khốc liệt, đến tháng 3 năm 2010 Công ty quyết định dừng sản xuất bia chai.

Hiện tại, Công ty tập trung sản xuất bia hơi với công suất đạt 4 triệu lít/năm, Công ty cung cấp sản phẩm bia hơi cho các thị trường truyền thống trên địa bàn và một số vùng lân cận.

Sản phẩm chính của Công ty là mặt hàng bia hơi Ha Do đã có tiếng trên thị trường Hà Tây cũ và các tỉnh lân cận, với công nghệ chế biến tiên tiến đảm bảo chất lượng và hương vị, cũng như giá cả cạnh tranh, bia Ha Do chiếm thị phần ổn định và có thị trường riêng trong khu vực này.

Hoạt động vận chuyển: Bên cạnh hoạt động chính, tận dụng đội ngũ vận chuyển Công ty tiến hành cung cấp dịch vụ vận chuyển bia cho các đại lý để tăng thêm doanh thu của Công ty. Hiện tại Công ty có 2 xe bán tải, một xe tải trọng 0,75 tấn, một xe 2,5 tấn dùng để chuyên chở bia và phục vụ hoạt động vận chuyển.

Hoạt động khác: Bên cạnh hoạt động sản xuất, Công ty tận dụng lợi thế mặt bằng với diện tích rộng, nằm trong khu vực trung tâm Quận Hà Đông, Công ty đã cho xây dựng cải tạo thành các nhà hàng, quán ăn, vừa để phục vụ việc tiêu thụ bia của Công ty và cung cấp các sản phẩm dịch vụ khác nhằm nâng cao doanh số và tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động.

6.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Doanh thu thuần sản phẩm dịch vụ từ năm 2012 – 2014

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
		(%)		(%)		(%)
Doanh thu thuần bán hàng hóa	17.331	70,91%	18.133	72,27%	21.449	74,65%
Doanh thu thuần Vận chuyển	4.018	16,44%	4.078	16,25%	4.540	15,80%
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.091	12,65%	2.878	11,47%	2.746	9,56%
Tổng cộng	24.440	100%	25.089	100%	28.734	100%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 của Công ty)

Hiện tại, Công ty có 3 mảng kinh doanh bao gồm sản xuất bia, kinh doanh dịch vụ vận chuyển, cho thuê văn phòng cửa hàng, trong đó hoạt động sản xuất bia hơi là hoạt động kinh doanh chính chiếm hơn 70% doanh thu toàn công ty.

Tổng doanh thu thuần của Công ty tăng đều qua các năm, năm 2012 tăng lên 24,4 tỷ đồng, năm 2013 doanh thu đạt 25 tỷ đồng tăng 2,7% so với năm 2012, năm 2014 đạt hơn 28,7 tỷ đồng tăng hơn 15% so với năm 2013.

Hoạt động sản xuất bia hơi mang lại doanh thu cao nhất cho Doanh nghiệp chiếm trên 70% tổng doanh thu thuần. Doanh thu hoạt động này tương đối ổn định qua các năm nhờ sản lượng sản xuất và tiêu thụ của Công ty duy trì đều đặn với các thị trường quen thuộc trên địa bàn và các vùng lân cận. Tính đến hết năm 2014 doanh thu từ hoạt động sản xuất bia chiếm hơn 74,5% tổng doanh thu và đạt 21,4 tỷ đồng, tỷ trọng này cao hơn năm 2013 với hơn 72% và tăng trưởng hơn 18% so với năm trước.

Hoạt động vận chuyển đóng góp doanh thu thứ hai sau hoạt động sản xuất bia, tuy tỷ lệ không cao chỉ khoảng trên 15% trong tổng doanh thu, nhưng doanh thu hàng năm tương đối ổn định với giá trị năm 2012 là hơn 4 tỷ chiếm 16,44%, năm 2013 nhóm dịch vụ vận chuyển giữ ổn định doanh thu theo giá trị và tỷ trọng chiếm 16,25% tổng doanh thu thuần, đến năm 2014 giá trị doanh thu tăng lên mảng vận chuyển đạt hơn 4,5 tỷ đồng, tuy nhiên cơ cấu doanh thu giảm xuống chiếm khoảng 15% trong cơ cấu doanh thu thuần.

Hoạt động cho thuê văn phòng, cửa hàng chỉ đóng góp một tỷ lệ nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do Công ty có mặt bằng rộng, vị trí nằm ngay trung tâm thương mại Quận Hà Đông, để giải quyết công ăn việc làm cho CBCNV và bán sản phẩm bia hơi của Công ty. Do giá thuê tăng cao trong những năm vừa qua nên doanh thu của hoạt động này tăng cả về giá trị và tỷ trọng. Năm 2012 doanh thu cho thuê văn phòng đạt hơn 3 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 12,65% tổng doanh thu, đến hết năm 2013 doanh thu đạt 2,8 tỷ đồng chiếm trên 11% tổng doanh thu, sang năm 2014 doanh thu mảng này giảm nhẹ chỉ đạt hơn 2,7 tỷ đồng và chiếm hơn 9,5% trong cơ cấu doanh thu thuần.

Trong một số năm trở lại đây tình hình kinh tế chung gặp nhiều khó khăn, mặt hàng bia hơi của Công ty phải cạnh tranh khốc liệt với các hãng bia lớn, chi phí tăng cao trong khi giá bán không tăng được. Do đó, Ban lãnh đạo Công ty đưa ra các chính sách quảng cáo, tiếp thị sản phẩm nhằm mở rộng quảng bá hình ảnh, đồng thời đa dạng hóa hoạt động kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Giá vốn sản phẩm dịch vụ từ năm 2012 – năm 2014

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
		(%)		(%)		(%)
Giá vốn hàng hóa đã bán	21.454	97,77%	20.608	97,96%	20.867	95,36%
Giá vốn vận chuyển	141	0,64%	152	0,72%	116	0,53%
Giá vốn dịch vụ	348	1,59%	277	1,31%	899	4,11%

Tổng cộng	21.944	100%	21.036	100%	21.882	100%
-----------	--------	------	--------	------	--------	------

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 của Công ty)

Trong khi tỷ trọng doanh thu của nhóm hàng hóa (mặt hàng bia) chỉ chiếm hơn 70% thì tỷ trọng giá vốn của nhóm mặt hàng này luôn duy trì tỷ lệ trên 95% trong tổng chi phí giá vốn. Tổng chi phí giá vốn năm 2012 là 21,9 tỷ đồng, năm 2013 giảm xuống còn 21 tỷ đồng, năm 2014 tăng lên hơn 21,8 tỷ đồng, năm 2014 mặc dù giá vốn có tăng so với năm 2013, tuy nhiên tốc độ tăng giá vốn thấp hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu.

Lợi nhuận gộp của Công ty từ năm 2012 – năm 2014

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
		(%)		(%)		(%)
Lợi nhuận mảng mua bán hàng hóa	-4.123	-165,20%	-2.475	-61,06%	582	8,50%
Lợi nhuận gộp mảng vận chuyển	3.877	155,32%	3.926	96,87%	4.424	64,56%
Lợi nhuận gộp mảng dịch vụ	2.743	109,88%	2.601	64,19%	1.846	26,94%
Tổng cộng	2.496	100%	4.053	100%	6.852	100%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 của Công ty)

Trong năm 2012 và 2013 lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh hàng hóa (mặt hàng bia) thua lỗ do doanh thu thuần từ hoạt động này thấp hơn chi phí giá vốn hàng bán, tuy nhiên đến năm 2014 do chi phí khấu hao giảm mạnh nên chi phí giá vốn giảm, mặt hàng bia năm đầu tiên có lợi nhuận gộp với giá trị hơn 587 triệu đồng, tuy đây là mức lợi nhuận thấp nhưng đã bước đầu thể hiện tính hiệu quả của mặt hàng chủ lực của Công ty. Ngoài ra hoạt động kinh doanh vận chuyển và hoạt động cho thuê văn phòng quán ăn chiếm tỷ lệ giá vốn nhỏ nhưng đóng góp tỷ lệ tương đối ổn định trong cơ cấu doanh thu, với tỷ lệ giá vốn chỉ chiếm khoảng dưới 3% nhưng chiếm đến gần 30% doanh thu của Công ty, toàn bộ lợi nhuận gộp của công ty do hai hoạt động trên mang lại với tỷ trọng năm 2014 lần lượt là 64% và 27%.

6.2 Nguyên vật liệu

a. Nguồn nguyên vật liệu

Do hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bia hơi nên nguồn nguyên liệu chính của Công ty gồm: Malt, Houblon, gạo, đường kính, nấm men, nước có chất lượng tốt phù hợp với sản xuất bia.

Đối với nguyên liệu là malt Công ty tiến hành mua từ nhà cung cấp chính là Công ty CP Bia và Nước giải khát Quốc tế với chất lượng nguyên liệu chất lượng và hương vị.

Đối với gạo, đường và các nguyên liệu từ trong nước như Công ty CP Lương thực Hà Sơn Bình, Công ty TNHH TM Đức Hiền, đây các đơn vị uy tín đảm bảo chất lượng và nguồn cung liên tục với giá cả phải chăng.

Với nấm men và nước là thành phần quyết định hương vị bia và là bí kíp riêng của Công ty, Công ty trực tiếp sản xuất và xử lý nước cho phù hợp với tiêu chuẩn và chất lượng bia tạo nên nét đặc trưng của bia Ha Đô.

Thùng, ken chứa bia công ty tái sử dụng để đảm bảo chất lượng và kỹ thuật riêng của Công ty.

Hoa bia Houblon Công ty nhập từ Công ty TNHH Malthopevn, với chất lượng đảm bảo.

Ngoài ra Công ty sử dụng các nhiên liệu như than, dầu, điện để sử dụng trong các công đoạn sản xuất bia.

b. Ảnh hưởng của nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh do vậy Công ty luôn lựa chọn những nhà cung cấp có uy tín chất lượng, các nhà phân phối này nhập trực tiếp từ các nước sản xuất như Đức, Pháp, Séc, ... có mối quan hệ gắn bó với Công ty trong nhiều năm do đó đảm bảo được nguồn nguyên liệu có chất lượng cao và ổn định.

Chi phí cho nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu giá thành, nguồn cung cấp chủ yếu từ nhập khẩu do vậy giá nguyên vật liệu phụ thuộc vào tình hình thị trường quốc tế, tỷ giá ngoại tệ trong nước nên thường không ổn định và có xu hướng tăng qua các năm. Đối với các nguyên liệu như gạo, đường, ... Công ty sử dụng các nhà cung cấp trong nước và chịu biến động chung về giá cả của các mặt hàng này theo biến động thị trường nông sản trong nước.

6.3 Chi phí sản xuất

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Giá vốn hàng bán	21.944	89,79%	21.036	83,85%	21.882	76,15%
Chi phí tài chính	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Chi phí bán hàng	732	3,00%	963	3,84%	984	3,42%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.457	22,33%	5.071	20,21%	5.964	20,76%
Tổng Chi phí	28.133	115%	27.070	108%	28.830	100%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 của Công ty)

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành sản xuất nên giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tổng chi phí của doanh nghiệp. So với doanh thu, tỷ trọng giá vốn luôn chiếm trên 76%, sau đó đến chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và chi phí khác, do Công ty tự chủ động được nguồn vốn nên từ 2011 đến nay công ty không có chi phí tài chính. Ngoài chi phí giá vốn, chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trên

20% so với doanh thu thuần, chi phí bán hàng và chi phí khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Năm 2014 do chi phí khấu hao giảm mạnh nên chi phí giá vốn hàng bán giảm còn hơn 76% so với hơn 83% năm 2013 và 89% năm 2012. Tổng chi phí năm 2014 tương ứng với doanh thu thuần của Công ty trong khi các năm 2013, 2012 tổng chi phí luôn vượt quá doanh thu thuần, điều này chứng tỏ Công ty đã dần quản lý và điều chỉnh chi phí hiệu quả hơn.

6.4 *Trình độ công nghệ*

Sản phẩm bia Ha Do của Công ty được sản xuất trên dây chuyền công nghệ nhập khẩu từ năm 2009, với dây chuyền hoàn toàn tự động, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Hệ thống máy móc trang thiết bị của Công ty liên tục được nâng cấp, hiện đại hóa, tự động ở hầu hết các khâu từ công đoạn xử lý nguyên liệu, nấu, lọc nước nha, làm lạnh nhanh, lên men, lọc bia, chiết bia, thanh trung, đóng bom inox, ...

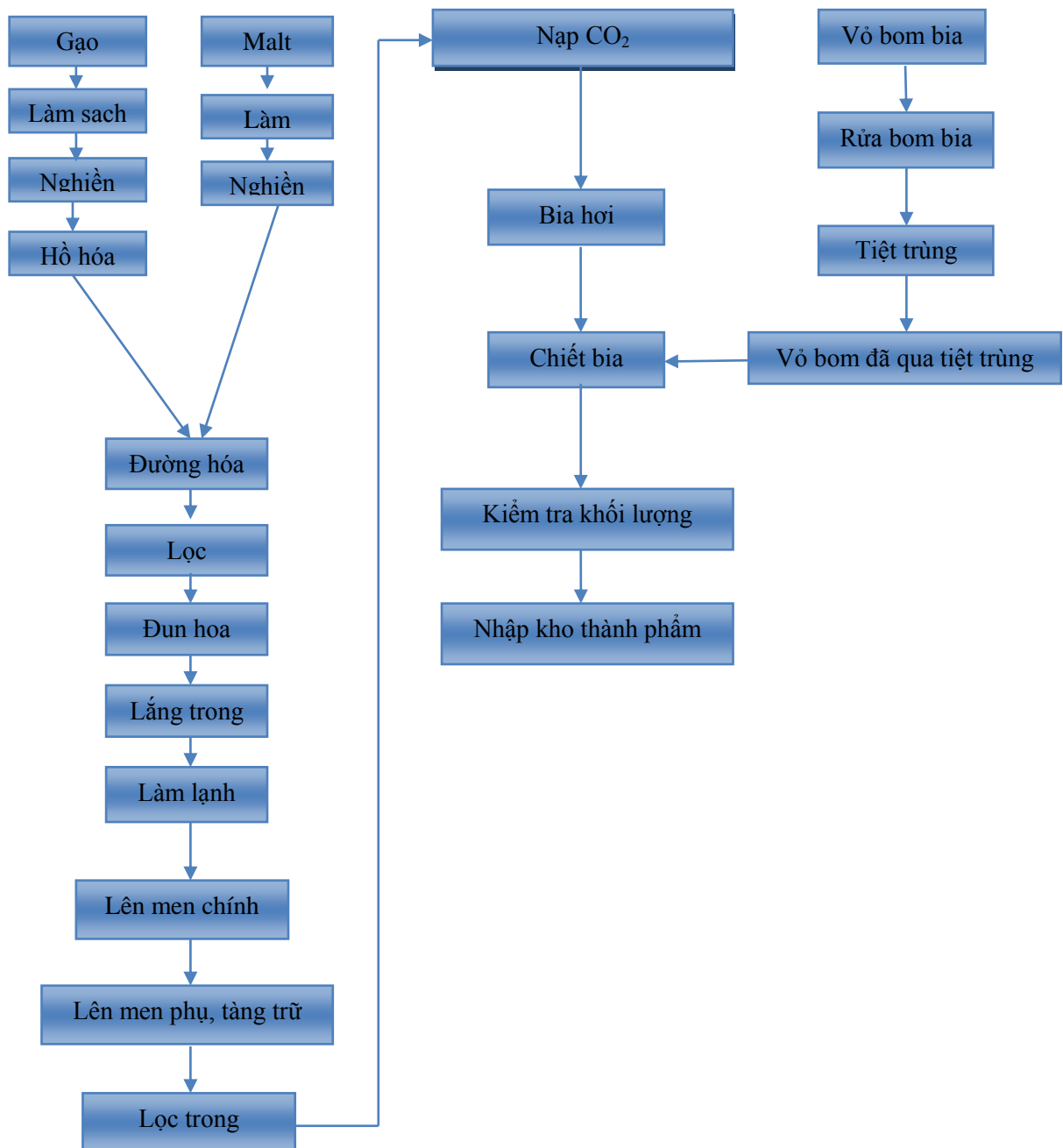
Trong công nghệ sản xuất bia công nghệ và thiết bị đóng vai trò quan trọng tới quá trình cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Vì vậy đội ngũ lãnh đạo công ty luôn chú trọng đến đầu tư công nghệ máy móc thiết bị, để đem lại hiệu quả năng suất cao.

- Hệ thống máy rửa bom bia inox;
- Hệ thống chiết bia với nguyên lý hút chân không nâng cao chất lượng bia, giảm hao phí;
- Máy thanh trùng tự động giúp cho quá trình vận hành đơn giản dễ kiểm soát, và điều chỉnh các thông số đảm bảo chất lượng tuyệt đối;
- Hệ thống nhà nấu hoàn toàn tự động trong đó thu hồi năng lượng và thu hồi nước ngưng hiệu quả;
- Hệ thống bồn lên men đảm bảo chất lượng đồng đều và hương vị đặc trưng;
- Hệ thống phòng thử nghiệm trang bị thiết bị nhằm phân tích các mẫu bia đảm bảo chất lượng ở tất cả các công đoạn;
- Hệ thống xử lý chất thải sau quá trình sản xuất.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường và trách nhiệm đối với cộng đồng, hàng năm Công ty đều có kế hoạch xây dựng và thực hiện các chương trình bảo vệ môi trường, đồng thời nhằm ngăn ngừa, đề phòng và ứng phó với các tác động xấu và sự cố môi trường. Các chương trình kiểm tra theo dõi, và đầu tư bảo vệ môi trường gồm:

- Quan trắc môi trường;
- Đo kiểm môi trường hàng năm;
- Xử lý môi trường (vi sinh vật, côn trùng, ...)
- Dọn vệ sinh mặt bằng nhà máy nơi làm việc;
- Trồng cây, nạo vét cống rãnh, hệ thống dẫn nước thải, ...

Quy trình sản xuất bia hơi của Công ty



6.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Do đặc thù hoạt động doanh nghiệp với mảng kinh doanh chính là sản xuất bia hơi nên vấn đề kiểm tra chất lượng sản phẩm luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Công ty chuẩn hóa quy trình kiểm tra chất lượng phù hợp với các yêu cầu về Vệ sinh an toàn thực phẩm, với hương vị đặc trưng, thơm ngon và làm hài lòng các khách hàng quen thuộc, hiện tại Công ty đang áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng

- Kiểm tra chất lượng nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào: Kiểm tra các chỉ số cảm quan, vi sinh, hóa lý, nguồn gốc xuất xứ, hạn sử dụng, ... để đảm bảo chất lượng của nguyên liệu nhập có đảm bảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Kiểm tra quy trình công nghệ trong quá trình sản xuất bao gồm nguyên liệu Malt, gạo hoa houblon, nước, men, đường kính trắng trong đó các tiêu chí chủ yếu như nguồn gốc xuất xứ, hàm lượng đường Maltosa, kích thước hạt, độ ẩm, hàm lượng tinh bột, độ đắng anpha, beta, hạn sử dụng;
- Nước: độ PH, độ trong, màu mùi vị, hàm lượng vi chất, muối khoáng, hàm lượng Ca, Mg;
- Quá trình nấu: Nồng độ BX, PH, thời gian, nhiệt độ, vi sinh;
- Quá trình lên men: Mật độ vi sinh, nồng độ BX, PH, nhiệt độ, độ màu, hàm lượng cồn, CO₂, hàm lượng axit;
- Hoàn thiện sản phẩm: Lọc trong và bão hòa CO₂, các chỉ tiêu cảm quan, độ trong, PH, độ màu, mùi, vị, nồng độ BX, hàm lượng CO₂;

Bộ phận kiểm tra chất lượng và đảm bảo kỹ thuật của Công ty gồm 6 nhân viên với trình độ từ đại học trở lên.

Đối với hoạt động vận tải, công ty luôn đảm bảo uy tín với khách hàng với dịch vụ nhanh, tiện dụng, hệ thống xe đảm bảo chất lượng và yêu cầu của khách hàng.

6.6 Hoạt động Marketing

Để tăng doanh số và mở rộng hình ảnh của Công ty đến đông đảo người tiêu dùng, Công ty đã thực hiện các chiến lược đồng bộ về thị trường mục tiêu, giá cả, hỗ trợ quảng cáo, các hoạt động marketing bao gồm:

- Thực hiện tiếp thị thường xuyên, liên tục duy trì mối quan hệ tốt đẹp với các khách hàng truyền thống, mở các chương trình khuyến mại rộng rãi, tổ chức hội nghị khách hàng, ...
- Quảng cáo sản phẩm trên các logo áp phích, quảng cáo trên kênh truyền hình địa phương;
- Chính sách chiết khấu, giảm giá cho các đại lý, chính sách tặng sản phẩm, uống thử sản phẩm, ...

Nhờ những chính sách marketing tích cực và hiệu quả, nhãn hiệu bia của Công ty vẫn giữ được hình ảnh và sản lượng tiêu thụ ổn định trong thời gian vừa qua.

6.7 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế

Theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 161167 của Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ khoa học và Công nghệ, Công ty Cổ phần Liên hợp thực phẩm đã đăng ký nhãn hiệu bia HaDo với các đặc trưng sau:

- Màu sắc nhãn hiệu: Trắng, đỏ
- Loại nhãn hiệu: Thông thường
- Nhóm 32: Bia

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần nhất**7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 2012, 2013 và năm 2014**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2012	2013	tăng giảm %	2014	tăng giảm %
Tổng giá trị tài sản	76.218	77.196	1,28%	80.207	3,90%
Doanh thu thuần	24.441	25.089	2,65%	28.734	14,53%
LN từ hoạt động KD	2.497	1.436	-42,47%	1.743	21,34%
Lợi nhuận trước thuế	1.155	1.542	33,52%	1.988	28,90%
Lợi nhuận sau thuế	927	1.214	30,91%	1.575	29,77%
Lãi cơ bản trên cp (VND)	155	202	30,91%	263	29,77%
Tỷ lệ cổ tức	0%	1%	1%	1,3%	0,3%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 của Công ty)

Năm 2013 tổng tài sản của Công ty tăng nhẹ lên 1,28% so với năm 2012 và đạt giá trị hơn 77 tỷ đồng. Doanh thu thuần của Công ty tăng từ 24,4 tỷ đồng lên 25 tỷ đồng với tỷ lệ 2,65%, tuy nhiên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh lại giảm mạnh xuống hơn 42%, nguyên nhân chính là do chi phí đầu vào tăng cao, trong khi công ty không thể tăng giá bán do mức độ cạnh tranh với các hàng bia khác diễn ra khốc liệt do vậy lợi nhuận giảm.

Năm 2014 các chỉ số sản xuất kinh doanh của Công ty đều có chuyển biến tích cực như tổng tài sản tăng lên hơn 80 tỷ đồng, doanh thu thuần tăng hơn 14,5% so với 2013 đạt hơn 28,7 tỷ đồng, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng hơn 21%, lợi nhuận trước thuế và sau thuế tăng tương ứng 28,9% và 29,7% đạt giá trị hơn 1,98 tỷ đồng và 1,57 tỷ đồng, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 đạt 263 đồng, tuy vẫn thấp so với các công ty khác, tuy nhiên đã có chuyển biến tích cực so với các năm trước.

Theo ý kiến kiểm toán trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tư vấn Hà Nội có ý kiến sau: “ Như đã trình bày tại phần Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.02 tại ngày 31/12/2014 Công ty đang cho Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng vay với tổng số tiền là 18.600.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn. Theo đó số lãi dự thu năm 2014 là 1.320.083.333 đồng (tương ứng lãi suất 7,1%/năm) số tiền lãi còn phải thu lũy kế đến thời điểm 31/12/2014 là 10.239.544.778 đồng. Ngoài ra khoản cho vay này còn tồn tại rủi ro sau: Khoản cho vay đối với Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Liên hợp thực phẩm. Cổ phiếu của Công ty cổ phần Liên hợp thực phẩm chưa được công bố trên thị trường, giá trị thực tế của Công ty Cổ phần Liên hợp thực phẩm cũng chưa được định giá bởi các tổ chức định giá độc lập theo quy định.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm

Trong thời gian vừa qua có một số yếu tố bao gồm cả thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty bao gồm:

a. Thuận lợi

- Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, không phụ thuộc vào các nguồn vốn vay nên khi chính sách về tiền tệ, tín dụng thay đổi Công ty không bị ảnh hưởng;
- Vị trí mặt bằng của Công ty thuận lợi cho việc thuê cửa hàng để kinh doanh, tăng doanh thu cho Công ty;
- Thị trường khu vực có nhiều cạnh tranh nhưng sản phẩm của Công ty vẫn có chỗ đứng trên địa bàn nhờ hương vị riêng và giá cả hợp lý;
- Công tác điều hành, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty luôn đảm bảo tính dân chủ, công khai minh bạch, trên cơ sở lắng nghe ý kiến của người lao động, cùng nhau giải quyết các khó khăn vướng mắc nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp, đoàn kết và thực hiện thành công các công việc được giao

b. Khó khăn

- Bia là mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cao, từ 01/01/2010 đến hết 01/12/2012 thuế tiêu thụ đặc biệt đối với mặt hàng bia là 45%, từ 01/01/2013 thuế tiêu thụ đặc biệt được áp dụng là 50% ảnh hưởng nâng giá thành, làm giảm sản lượng tiêu thụ của Công ty;
- Nguyên liệu sản xuất bia chủ yếu được nhập khẩu, trong khi diễn biến thị trường malt, houblon, xăng dầu, ... diễn biến bất ổn, gây ảnh hưởng đến các yếu tố chi phí đầu vào của Công ty;
- Các sản phẩm bia của các hãng lớn như Bia Hà Nội, Bia Sài Gòn, Bia Việt Hà, ... cạnh tranh rất gay gắt trên thị trường, sản phẩm của Công ty không tăng giá bán được trong khi chi phí đầu vào liên tục tăng.
- Máy móc thiết bị ngày càng cũ, lạc hậu nên ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm;
- Lực lượng lao động dư thừa lớn nên phát sinh chi phí và các vấn đề phức tạp khác.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Việt Nam hiện có trên 300 doanh nghiệp sản xuất bia với hơn 400 nhà máy đặt trên 57 tỉnh thành phố, tuy nhiên các Nhà máy tập trung chủ yếu một số tỉnh thành lớn như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hải Phòng, Thanh Hóa, Huế, ... với các sản phẩm phong phú như bia hơi, bia chai, bia lon, ...

So với các công ty trong ngành, Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm là một doanh nghiệp có quy mô trung bình, Công ty tập trung vào các thị trường truyền thống như khu vực Hà

Đông, các khu vực lân cận như Sơn tây, các huyện Hà Tây cũ, Hòa bình và một số tỉnh khu vực phía tây. Do cạnh tranh gay gắt nên hiện tại Công ty chỉ tập trung vào mảng sản xuất bia hơi vốn là mặt hàng có nhiều lợi thế của Công ty.

Với đội ngũ lãnh đạo tâm huyết, gắn bó với Công ty từ khi mới thành lập, cũng như mối quan hệ và sự am hiểu thị trường địa phương, Công ty cũng tạo nên được chỗ đứng của mình trong khu vực.

8.2 *Triển vọng phát triển của ngành*

Là một nước đang phát triển, dân số trẻ nhu cầu đối với bia của Việt Nam cao, sản lượng tăng trung bình 8% trong vòng 10 năm vừa qua, đây là một mức cao so với thế giới và là tiền đề tạo sự phát triển cho ngành bia rượu nước giải khát.

Hiện tại mức tiêu thụ bia trên đầu người ở Việt Nam là 28 lít/người/năm, mức tiêu thụ này đánh giá còn tăng trong những năm tới do nhu cầu của người dân tăng cao và thói quen ăn uống thay đổi (chuyển từ uống rượu gạo sang uống bia, đặc biệt là khu vực nông thôn).

Các khoản vốn đầu tư trong và ngoài nước liên tục đổ vào Việt Nam do ngành bia rượu nước giải khát vẫn là ngành có tốc độ tăng trưởng cao và ổn định qua các năm.

Theo dự báo của BMI trong giai đoạn 2012 -2017 ngành sản xuất bia ở Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng về sản lượng trung bình là 8% và tăng trưởng về giá trị là 14%, hàng loạt các hãng bia rượu nổi tiếng nước ngoài tiến hành đầu tư vào Việt Nam như Diageo, Asia Pacific Breweries (APB), Carlsberg hoặc hãng Sapporo của Nhật, điều này khiến cho thị trường bia rượu của Việt Nam trong những năm tới còn diễn ra sôi động.

Theo Quyết định số 2435/QĐ-BCT ngày 21/05/2009 phê duyệt quy hoạch phát triển ngành Bia – Rượu – Nước giải khát Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến 2025 theo đó:

- Ngành Bia – Rượu – Nước giải khát được Bộ Công thương đặt mục tiêu xây dựng trở thành một ngành kinh tế quan trọng, sản xuất ra nhiều sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, đóng góp ngày càng nhiều vào ngân sách Nhà nước. Năm 2015 sản lượng là 4 tỷ lít bia, và đến 2025 sản lượng đạt 6 tỷ lít bia với sản phẩm xuất khẩu đạt hàng trăm triệu USD.
- Đối với công nghệ sản xuất bia: cần tập trung cải tạo, mở rộng, đồng bộ hóa thiết bị, nâng công suất nhà máy hiện có, xây dựng nhà máy lớn có công suất từ 100 triệu lít bia /năm trở lên. Mở rộng hợp tác quốc tế, liên doanh, liên kết để sản xuất bia cao cấp, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.
- Bộ Công thương kiên quyết không cấp giấy phép đầu tư cho các dự án có quy mô nhỏ (sản xuất bia với công suất dưới 20 triệu lít/năm) và các dự án áp dụng công nghệ lạc hậu, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm hoặc các dự án không đầu tư hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, tăng cường công tác quản lý quy hoạch, tránh đầu tư dàn trải phá vỡ quy hoạch chung, lãng phí trong đầu tư.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng người lao động trong công ty

Tổng số lao động thường xuyên hiện có tính đến thời điểm 31/5/2015 là: 188 lao động với mức lương bình quân trên 5 triệu đồng/người/tháng.

- Phân theo giới tính: 74 nam và 114 nữ
- Phân theo trình độ:
 - Đại học : 27 người
 - Cao đẳng : 8 người
 - Trung cấp : 10 người
 - Nghề : 121 người
 - Bằng PTTH : 22 người

9.2 Chính sách đối với người lao động

- ✓ Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, thực hiện đầy đủ về BHXH, BHYT, BHNT...khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn, hiểu biết về xã hội;
- ✓ Tổ chức tốt hệ thống sản xuất và mạng lưới phục vụ nhân dân trong và ngoài tỉnh, Công ty đã giải quyết việc làm cho lao động với mức thu nhập ổn định, thực hiện tốt các chế độ chính sách Nhà nước quy định đối với người lao động và đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước;
- ✓ Chính sách đào tạo nguồn nhân lực: Với phương châm nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất tạo nên thành công cho công ty, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đào tạo, tuyển dụng người tài nhằm chọn được những cá nhân tốt nhất cũng như xây dựng được một tập thể vững mạnh.
- ✓ Tuyển dụng: Với hệ thống quy chế tuyển dụng được ban hành đã tạo ra khung cơ bản nhằm góp phần tuyển chọn những người thực sự có tài góp sức xây dựng doanh nghiệp;
- ✓ Chính sách đào tạo: Công ty tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên học tập nâng cao tay nghề;

10. Chính sách cổ tức

Các năm qua do kinh tế khó khăn hoạt động kinh doanh thua lỗ, năm 2011 có lãi nhưng chưa đủ bù lỗ lũy kế nên Công ty không tiến hành chia cổ tức cho cổ đông.

Năm 2012 Công ty lãi sau thuế 927 triệu đồng, số tiền này Công ty tiếp tục bù lỗ lũy kế các năm trước, sau khi trừ lỗ lũy kế số lãi còn lại là 79 triệu, do vậy theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2013 thông qua, Công ty không sẽ không trả cổ tức mà dùng số lãi này trích lập vào Quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

Năm 2013 Công ty lãi sau thuế là 1.213 triệu đồng. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2014, Công ty chia cổ tức với tỷ lệ 1% vốn điều lệ.

Cổ tức	2012	2013	2014
	0%	1%	1,3%

Năm 2014 Công ty lãi sau thuế là 1.575 triệu đồng, Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, Công ty chia cổ tức với tỷ lệ 50% lợi nhuận sau thuế, tương ứng 1,3%/vốn điều lệ.

11. Tình hình tài chính

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và Thông tư 244/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính về sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán.

11.1 Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng tài sản khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính

11.2 Các khoản phải nộp theo luật định

Tính đến hết 31/12/2014 số dư khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là 1.290 triệu đồng với các khoản chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2014
Thuế giá trị gia tăng	687
Thuế tiêu thụ đặc biệt	368
Thuế thu nhập doanh nghiệp	226
Thuế thu nhập cá nhân	9
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-
Tổng	1.290

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công ty)

11.3 Trích lập các quỹ theo luật định

Tỷ lệ trích lập tùy theo kết quả kinh doanh trong năm sản xuất và mục tiêu phát triển của Công ty đồng thời phù hợp với điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật.

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
1	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	4	332	366
3	Quỹ dự phòng tài chính	106	106	228

4	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	
Tổng cộng		110	438	594

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 của Công ty)

11.4 Tổng dư nợ vay

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
I	Nợ ngắn hạn	5.960	2.285	4.345
1	Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-
2	Phải trả cho người bán	354	-	2
3	Người mua trả tiền trước	-	6	848
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	3.922	424	1.290
5	Phải trả người lao động	678	830	1.085
6	Chi phí phải trả	733	483	485
8	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	273	542	635
II	Nợ dài hạn	1.543	4.985	4.976
1	Vay và nợ dài hạn	-	-	-
2	Phải trả dài hạn khác	1.543	4.985	4.976
3	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-
Tổng cộng		7.503	7.270	9.321

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 của Công ty)

Nhìn chung các khoản nợ của Công ty tương đối ít, Công ty không có khoản nợ vay ngân hàng, do vậy không có vay ngắn hạn và vay dài hạn, các khoản nợ ngắn hạn tập trung chủ yếu là các khoản thuế và khoản phải nộp cho Nhà nước, các khoản phải trả người lao động, phải trả phải nộp khác.

Tính đến hết 31/12/2014 tổng dư nợ của Công ty là hơn 9,3 tỷ đồng trong hơn 4,9 tỷ là nợ dài hạn và 4,3 tỷ đồng là nợ ngắn hạn. Các khoản nợ ngắn hạn tập trung vào các khoản phải trả người lao động, chi phí phải trả và các khoản thuế phải trả phải nộp cho nhà nước.

11.5 Tình hình công nợ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
I	Phải thu ngắn hạn	53.372	17.583	12.395
1	Phải thu khách hàng	3.551	2.900	2.115

2	Trả trước cho người bán	340	236	66
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
4	Các khoản phải thu khác	49.481	14.447	10.242
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn	-	-	- 29
II	Phải thu dài hạn	-	-	-
1	Phải thu dài hạn khác	-	-	-
Tổng cộng		53.372	17.583	12.395

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 của Công ty)

Các khoản phải thu của Công ty giảm dần trong giai đoạn từ 2012-2014 là do các khoản phải thu khác giảm mạnh.

Các khoản phải thu khác năm 2013 của Công ty chính là khoản lãi phát sinh từ khoản vay ngắn hạn với Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam và Công ty CP Bông Sen Vàng, chi tiết như sau:

- Phải thu Công ty CP Vận tải Dầu khí Việt Nam : 5.525 triệu đồng
- Phải thu Công ty CP Bông Sen Vàng : 8.919 triệu đồng

Hai khoản phải thu trên phát sinh từ các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty với số dư như sau:

- Công ty CP Vận tải Dầu khí Việt Nam : 18.500 triệu đồng
- Công ty CP Bông Sen Vàng : 18.600 triệu đồng

Tính đến hết 31/12/2014 các khoản phải thu khác có giá trị hơn 10,2 tỷ đồng đây là khoản lãi phải thu của Công ty Cổ phần Bông sen Vàng, khoản lãi theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn với số tiền là 18,6 tỷ đồng

11.6 Tình hình khoản đầu tư

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Tính đến thời điểm 31/12/2014 Công ty có khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giá trị 18.600 triệu đồng, đây là khoản cho Công ty cổ phần Bông sen Vàng vay theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2009-01/BSV-LHTP ngày 26/12/2009 với số tiền tối đa là 18,6 tỷ đồng, số nợ này được đảm bảo bằng 2.098.520 cổ phần của Bông Sen Vàng tại Công ty. Theo đó đây là hợp đồng không xác định thời hạn vay, việc thu hồi vốn tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng vốn của Công ty, mức lãi suất cho vay bằng mức lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, được điều chỉnh 03 tháng/lần khi có sự thay đổi về lãi suất thị trường. Lãi vay được trả khi kết thúc hợp đồng.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Hiện tại Công ty có các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm:

- Khoản đầu tư vào Công ty Falcon Sông Hồng với số lượng cổ phần là 600.000 cổ phần, giá trị sổ sách 6 tỷ đồng, chiếm 30% vốn điều lệ.
- Khoản đầu tư vào Công ty Falcon Đồng Trục với số lượng cổ phần là 500.000 cổ

phần, giá trị sổ sách là 5 tỷ đồng, chiếm 20% vốn điều lệ;

- Khoản đầu tư cổ phiếu của Công ty tại Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây với số tiền là 7.598.500.000 đồng, khoản đầu tư này Công ty triển khai từ 2009 với mục tiêu là tận dụng lợi thế về địa lý và mặt bằng đất đai của Công ty Giống cây trồng để di chuyển nhà máy bia, tuy nhiên trong quá trình thực hiện đã không mua được trên 65% vốn điều lệ của Công ty Giống cây trồng Hà tây nên phương án di chuyển nhà máy không thể thực hiện được, do vậy khoản đầu tư này đề nghị đưa vào kế hoạch tìm đối tác để chuyển nhượng lại trên nguyên tắc bảo toàn vốn đã đầu tư và có lợi nhuận.

11.7 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu qua 2 năm 2013, 2014

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tổng tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	28	9
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	25,53	8,45
+ Hệ số thanh toán bằng tiền: (Tiền và tương đương tiền/Nợ ngắn hạn)	lần	1,61	1,71
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,1	0,14
+ Hệ số Nợ vay/Tổng tài sản	lần	0	0
+ Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	lần	0	0
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	vòng	5,19	5,59
+ Vòng quay khoản phải thu: (Doanh thu thuần/Khoản phải thu bình quân)	vòng	0,71	1,92
+ Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	vòng	0,33	0,36
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,8	5,48
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,8	2,23
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,6	1,96
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	5,7	6,07

(Nguồn: Báo cáo của Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm)

❖ Nhận xét

- ✘ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn của công ty rất tốt, được duy trì trung bình hàng năm ở mức 15 lần, hệ số thanh toán tiền mặt của công ty cải thiện đáng kể, nếu năm 2012 chỉ đạt 0,49, thì năm 2013 Công ty đạt 1,61 và tăng lên 1,71 cho năm 2014. Nguyên nhân là do giai đoạn trước năm 2013 Công ty có khoản cho CTCP Vận tải Dầu khí Việt Nam vay 18,5 tỷ từ năm 2011 (với số dư gốc vào lãi đến 31/12/2012 là 22,5 tỷ đồng) và khoản cho CTCP Bông Sen Vàng (một cổ đông đang sở hữu 34,99% vốn điều lệ của CTCP Liên hợp Thực phẩm) vay 25,9 tỷ đồng, và đều được hạch toán trên bảng cân đối kế toán trong mục phải thu ngắn hạn, số dư khoản phải thu ngắn hạn chiếm hơn 80% trong tài sản ngắn hạn, đến năm 2014 chỉ còn khoản nợ gốc của CTCP Bông Sen Vàng được hạch toán vào khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và khoản lãi hơn 10,2 tỷ đồng hạch toán vào các khoản phải thu khác.
- ✘ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Công ty không sử dụng nợ vay ngân hàng, nên các chỉ tiêu về hệ số nợ rất thấp, hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu năm 2012 và 2013, 2014 chỉ ở mức 0,11 và 0,10 lần và 0,14 lần.
- ✘ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Do hàng tồn kho của Công ty qua các năm được duy trì ở mức thấp, nên vòng quay hàng tồn kho hàng năm cao, 3,19 vòng/năm vào năm 2012 tăng lên 519 vòng năm 2013, số dư hàng tồn kho vào cuối năm 2013 là khoảng 4,3 tỷ đồng. Riêng năm 2014 hệ số vòng quay hàng tồn kho tăng lên 5,59 lần/năm, với giá trị hàng tồn kho cuối năm có số dư hơn 3,4 tỷ đồng. Trong giai đoạn từ 2012 – 2014 vòng quay khoản phải thu có biến động mạnh do trong giai đoạn từ 2012-2013 giá trị các khoản phải thu trên tổng tài sản lớn, và tăng dần trong khi tốc độ tăng trưởng doanh thu không cao, vòng quay khoản phải thu năm 2012 là 0,48 và tăng lên 0,71 vòng vào năm 2013, riêng năm 2014 do doanh thu tăng trưởng mạnh trong khi giá trị và tỷ trọng khoản phải thu giảm nên vòng quay khoản phải thu tăng mạnh lên 1,92 vòng/năm. Vòng quay tổng tài sản tương đối ổn định duy trì từ mức 0,32 vòng/năm – 0,36 vòng/năm cho giai đoạn từ 2012 - 2014.
- ✘ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Do các điều kiện kinh doanh khó khăn, nên khả năng sinh lời của công ty trong giai đoạn 2012-2014 không cao, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) chỉ đạt trung bình 1,8%, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) bình quân là 1,6%, trong khi đó lợi nhuận biên trung bình đạt 4,7% riêng năm 2014 đạt 5,48%.

11.8 Tình hình tài sản

Bảng tài sản cố định của Doanh nghiệp tính đến 31/12/2014

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	7.227	6.067	1.160

2	Máy móc thiết bị	29.083	26.552	2.531
3	Phương tiện vận tải	1.769	1.210	559
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	-	-	-
Tổng		38.079	33.829	4.250

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty)

11.9 Tình hình sử dụng đất đai

STT	Địa chỉ	Mục đích sử dụng	Loại hình	Thời gian thuê	Diện tích (m ²)
1	Số 267 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	Trụ sở làm việc, và sản xuất kinh doanh	Đất thuê	07/12/2004 - 07/12/2054	11.324,20
2	Số 267 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	Trụ sở làm việc, và sản xuất kinh doanh	Đất thuê	hàng năm	107,70
Tổng					11.431,90

(Nguồn: Báo cáo tình hình sử dụng quỹ đất CTCP Liên hợp Thực phẩm)

Theo Quyết định số 826/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội ngày 11/02/2010 về việc cho Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm thuê 13.846,2 m² đất để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng tại 267 Quang Trung phường Hà Đông, Hà Nội để làm trụ sở làm việc, điều hành sản xuất kinh doanh, dịch vụ ăn uống, giải khát, thì Công ty được thuê đất với thông tin chi tiết như sau:

- Với phần diện tích đất 11.324,2 m², Công ty được thuê trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 07/12/2004 và trả tiền thuê đất hàng năm;
- Phần diện tích 2.522 m² Công ty được thuê theo thời hạn hàng năm do nằm trong quy hoạch mở được, khi Thành phố thu hồi phải bàn giao theo kế hoạch.

Căn cứ theo Quyết định số 5123/QĐ-UBND thành phố Hà Nội ngày 08/11/2012 về việc điều chỉnh nội dung tại Điều 1 Quyết định 826/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND Thành phố, quyết định điều chỉnh diện tích thuê đất của Công ty là 11.431,90 m² với thông tin chi tiết như sau:

- Với phần diện tích đất 11.324,2 m², Công ty được thuê trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 07/12/2004 và trả tiền thuê đất hàng năm;
- Phần diện tích 107,70 m² Công ty được thuê theo thời hạn hàng năm do nằm trong quy hoạch mở được, khi Thành phố thu hồi phải bàn giao theo kế hoạch.

12. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
Hội đồng quản trị		
1	Trần Văn Công	Chủ tịch Hội đồng quản trị

2	Đỗ Thành Duy	Phó chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Tuấn Tú	Thành viên HĐQT
4	Vũ Hồng Tuấn	Thành viên HĐQT
5	Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT
6	Phạm Thanh Hoa	Thành viên HĐQT
7	Dương Thị Phong	Thành viên HĐQT
Ban kiểm soát		
1	Chu Thị Bích Liên	Trưởng ban Kiểm soát
2	Đinh Thị Phương Dung	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Vũ Thị Ngọc	Thành viên Ban kiểm soát
Ban Giám đốc		
1	Nguyễn Tuấn Tú	Giám đốc
2	Lưu Xuân Hải	Phó Giám đốc
Kế toán trưởng		
1	Dương Thị Phong	Kế toán trưởng

12.1 Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Công - Chủ tịch HĐQT

- Giới tính:	Nam
- Ngày tháng năm sinh:	09/06/1963
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Địa chỉ thường trú:	25C Khu chung cư, La Khê, P La Khê, Q Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế chính trị
- Tổng số cổ phần nắm giữ đến 31/05/2015:	19.870 cổ phần
+ Số cổ phần nhà nước uỷ quyền đại diện tại doanh nghiệp:	0 cổ phần
+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	19.870 cổ phần

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm:	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm:	Không
- Vi phạm pháp luật:	Không
- Các khoản nợ đối với CTCP Liên hợp Thực phẩm:	Không
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không

Ông Đỗ Thành Duy - Phó Chủ tịch HĐQT

- Giới tính:	Nam
- Ngày tháng năm sinh:	11/08/1968
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Địa chỉ thường trú:	174/34 Đặng Văn Ngữ, P14, Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Tổng số cổ phần nắm giữ đến 31/05/2015:	0 cổ phần
+ Số cổ phần nhà nước uỷ quyền đại diện tại doanh nghiệp:	0 cổ phần
+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	0 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu CTCP Liên hợp Thực phẩm:	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm:	Không
- Vi phạm pháp luật:	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm:	Không
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không

Ông Nguyễn Tuấn Tú - Thành viên HĐQT

- Giới tính:	Nam
--------------	-----

- Ngày tháng năm sinh:	19/09/1968
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Địa chỉ thường trú:	Số nhà 66, tổ dân phố 7, P. Phú Lãm, Q. Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
- Tổng số cổ phần nắm giữ đến 31/05/2015:	2.960 cổ phần
+ Số cổ phần nhà nước uỷ quyền đại diện tại doanh nghiệp:	0 cổ phần
+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	2.960 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu CTCP Liên hợp Thực phẩm:	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm:	Không
- Vi phạm pháp luật:	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm:	Không
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không

Ông Võ Hồng Tuấn - Thành viên HĐQT

- Giới tính:	Nam
- Ngày tháng năm sinh:	09/08/1967
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Địa chỉ thường trú:	82 Văn Cao, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế, chuyên ngành quản trị kinh doanh
- Tổng số cổ phần nắm giữ đến 31/05/2015:	0 cổ phần

+ Số cổ phần nhà nước uỷ quyền đại diện tại doanh nghiệp:	0 cổ phần
+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	0 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu CTCP Liên hợp Thực phẩm:	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm:	Không
- Vi phạm pháp luật:	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm:	Không
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không
Ông Hoàng Tuấn Anh - Thành viên HĐQT	
- Giới tính:	Nam
- Ngày tháng năm sinh:	04/12/1977
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Địa chỉ thường trú:	P.808 CT4-5 Yên Hòa, Cầu Giấy, HN
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân tài chính ngân hàng
- Tổng số cổ phần nắm giữ đến 31/05/2015:	0 cổ phần
+ Số cổ phần nhà nước uỷ quyền đại diện tại doanh nghiệp:	0 cổ phần
+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	0 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu CTCP Liên hợp Thực phẩm:	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm:	Không
- Vi phạm pháp luật:	Không
- Các khoản nợ đối với CTCP Liên hợp Thực phẩm:	Không
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không

Bà Phạm Thanh Hoa - Thành viên HĐQT

- Họ và tên:	Phạm Thanh Hoa
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	07/03/81
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	117 Trần Duy Hưng, Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	Đại học
- Trình độ chuyên môn:	Tài chính
- Tổng số cổ phần nắm giữ đến ngày 31/05/2015:	0 cổ phần
+ Số cổ phần nhà nước uỷ quyền đại diện tại doanh nghiệp:	0 cổ phần
+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	0 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty:	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty:	Không
- Vi phạm pháp luật:	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Quyết định giao quyền đại diện vốn Nhà nước tại doanh nghiệp	Không
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không

Bà Dương Thị Phong - Thành viên HĐQT

- Họ và tên:	DƯƠNG THỊ PHONG
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	01-5-1974
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Phòng 412B5 TT Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội

- Trình độ văn hóa:	Đại học
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân quản trị kinh doanh
- Tổng số cổ phần nắm giữ đến ngày 31/05/2015:	0
+ Số cổ phần nhà nước uỷ quyền đại diện tại doanh nghiệp:	
+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty:	0
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty:	0
- Vi phạm pháp luật:	0
- Các khoản nợ đối với Công ty:	0
Quyết định giao quyền đại diện vốn Nhà nước tại doanh nghiệp	0
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	0

12.2 Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Tuấn Tú - Giám đốc (Sơ yếu lý lịch như trên)

Ông Lưu Xuân Hải - Phó Giám đốc

- Giới tính:	Nam
- Ngày tháng năm sinh:	29/11/1963
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Địa chỉ thường trú:	Số 86 Trần Đăng Ninh, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
- Tổng số cổ phần nắm giữ đến 31/05/2015:	0 cổ phần
+ Số cổ phần nhà nước uỷ quyền đại diện tại doanh nghiệp:	0 cổ phần
+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	0 cổ phần

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu CTCP Liên hợp Thực phẩm:	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm:	Không
- Vi phạm pháp luật:	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm:	Không
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không

12.3 Ban kiểm soát

Bà Chu Thị Bích Liên - Trưởng Ban kiểm soát

- Giới tính:	Nữ
- Ngày tháng năm sinh:	29/12/1974
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Địa chỉ thường trú:	27/49 Linh Quang, Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
- Tổng số cổ phần nắm giữ đến 31/05/2015:	0 cổ phần
+ Số cổ phần nhà nước uỷ quyền đại diện tại doanh nghiệp:	0 cổ phần
+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	0 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm:	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm:	Không
- Vi phạm pháp luật:	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm:	Không

Bà Đinh Thị Phương Dung – Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính:	Nữ
- Ngày tháng năm sinh:	11/04/1982
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Địa chỉ thường trú:	Tổ dân phố 1, Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
- Tổng số cổ phần nắm giữ đến 31/05/2015:	0 cổ phần
+ Số cổ phần nhà nước uỷ quyền đại diện tại doanh nghiệp:	0 cổ phần
+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	0 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm:	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm:	Không
- Vi phạm pháp luật:	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm:	Không

Bà Vũ Thị Ngọc – Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính:	Nữ
- Ngày tháng năm sinh:	15/10/1987
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Địa chỉ thường trú:	Đại Đức, Kim Thành, Hải Dương
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kế toán
- Tổng số cổ phần nắm giữ đến 31/05/2015:	0 cổ phần
+ Số cổ phần nhà nước uỷ quyền đại diện tại doanh nghiệp:	0 cổ phần
	0 cổ phần

+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ:

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu CTCP Liên hợp Thực phẩm: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm: Không

- Vi phạm pháp luật: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm: Không

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

12.4 Kế toán trưởng

Bà Dương Thị Phong – Kế toán trưởng (Sơ yếu lý lịch như trên)

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2014	KH 2015	Tăng/giảm %
Tổng doanh thu	Triệu đồng	42.249	44.281	4,81%
Doanh thu từ KDDV	Triệu đồng	1.838	1.850	0,65%
Doanh thu từ sản phẩm bia	Triệu đồng	40.411	42.431	5,00%
Vốn điều lệ	Triệu đồng	59.973	60.000	0,05%
Thu nhập bình quân người lao động	đồng/tháng	5	5	0,00%
Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	1.988	2.000	0,60%
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	1.491	1.560	4,63%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	%	3,53%	3,52%	-0,01%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,49%	2,60%	0,12%
Cổ tức	%	1,30%	1,3%	0

(Nguồn: CTCP Liên hợp Thực phẩm)

Năm 2015 dự báo nền kinh tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thị trường tiêu thụ sẽ cạnh tranh khốc liệt, máy móc thiết bị của Công ty ngày càng lạc hậu xuống cấp, định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty vẫn chỉ tập trung vào 2 nhiệm vụ chính:

- Duy trì sản xuất bia hơi;
- Tiếp tục cho thuê mặt bằng để kinh doanh dịch vụ và làm văn phòng làm việc.

Dưới những tác động của nhân tố khách quan, bộ máy quản lý của Công ty chỉ đạo điều hành cán bộ Công nhân viên nỗ lực hoàn thành chỉ tiêu năm 2015 đã đặt ra.

14. Căn cứ đề ra kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Căn cứ vào báo cáo phân tích tình hình hoạt động SXKD của Công ty năm 2014, cũng như đánh giá được những tác động chung của tình hình kinh tế và những tồn tại hạn chế và khả năng dự kiến của Công ty năm 2015, Công ty đã lập nên kế hoạch kinh doanh sát với thực tế và năng lực của Công ty. Để đạt được mục tiêu trên Công ty có đề ra các giải pháp tổ chức thực hiện như sau:

- *Hoạt động sản xuất tiêu thụ bia:* Công ty tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất bia, đưa ra chính sách giá cả hợp lý để đảm bảo lượng tiêu thụ của các thị trường truyền thống và mở rộng sang các thị trường mới khác tại khu vực nông thôn các tỉnh bắc bộ.
- *Hoạt động kinh doanh dịch vụ:* Tiếp tục các hợp đồng cho thuê mặt bằng nhà hàng, kết hợp việc cho thuê mặt bằng với việc tiêu thụ sản phẩm bia của Công ty, mở rộng tìm kiếm đối tác trong dịch vụ vận chuyên.
- *Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy,:* Công ty luôn đảm bảo an toàn vệ sinh, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy v.v
- *Công tác đoàn thể:* Công ty tạo điều kiện cho các tổ chức đảng, công đoàn và tổ chức đoàn thể khác hoạt động một cách hiệu quả.
- *Công tác thu hồi vốn:* Tập trung đôn đốc thu hồi vốn đặc biệt các khoản cho vay quá hạn.

Với kế hoạch xây dựng chi tiết dựa theo năng lực sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp , kế hoạch là khả thi và phù hợp với thực tế.

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phần chào bán

Không có

16. Các lưu ý về Bản Công bố thông tin

- Bản công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương xây dựng một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Liên Hợp Thực phẩm cung cấp.
- Công ty Cổ phần Liên Hợp Thực phẩm chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là hoàn toàn chính xác, phù hợp với thực tế, để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty.
- Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản Công bố thông tin và Quy chế đấu giá trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá. Các nhà đầu tư tham dự đấu giá tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN CỔ PHẦN

1. Những thông tin cơ bản về đợt bán cổ phần

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm
- Địa chỉ : Trụ sở chính: Số 267 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
- Điện thoại : 043.3824230 Fax: 043.3827836
- Vốn điều lệ : 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng)
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần chào bán: 1.931.900 cổ phần
- Tổng giá trị chào bán tính theo mệnh giá: 19.319.000.000 đồng
- Giá khởi điểm : 12.000 đồng/cổ phần

Tổng giá trị lô cổ phần theo giá khởi điểm: 23.182.800.000 đồng

2. Mục đích chào bán

Mục đích của việc chào bán cổ phần của SCIC tại Công ty nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương thoái vốn đầu tư của SCIC tại các doanh nghiệp mà SCIC không cần giữ cổ phần. Việc chào bán cổ phần của SCIC tại Công ty chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông SCIC trong cơ cấu cổ đông của Công ty mà không làm ảnh hưởng đến vốn điều lệ của Công ty.

3. Phương thức phân phối

Bán đấu giá công khai nguyên lô ra công chúng thông qua Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

4. Thời gian đăng ký, bỏ phiếu, và tổ chức buổi đấu giá

Theo Quy chế bán cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm do Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành, dự kiến trong Quý III/2015.

5. Giới hạn mua cổ phần

- Theo khoản 1 Điều 13 Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp 2005. Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần với mức không hạn chế tại Công ty cổ phần không phải là Công ty cổ phần niêm yết;
- Theo khoản 1 điều 2 quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần với mức hạn chế tối đa 49% tổng số cổ phần của Công ty đại chúng;
- Hiện tại tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước là 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ.

Như vậy Nhà đầu tư nước ngoài được đăng ký mua toàn bộ số cổ phần bán đấu giá với số lượng tối đa là 1.931.900 cổ phần của Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm;

6. Các loại thuế có liên quan

Theo Quy định tại Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Thuế Giá trị Gia tăng và Thuế tiêu thụ đặc biệt Công ty đang chịu các mức thuế như sau:

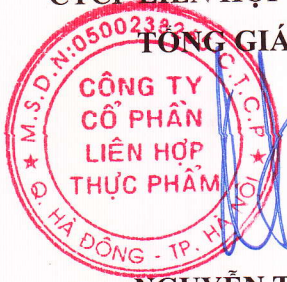
- Thuế giá trị gia tăng: 10%
- Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với mặt hàng bia: 50%
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: 22%

VIII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Quyết định bán vốn Nhà nước của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
3. **Phụ lục III:** Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty
4. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính Kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 của Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm
5. Công văn xác nhận tỷ lệ sở hữu của SCIC và Nhà đầu tư nước ngoài

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2015

CTCP LIÊN HỢP THỰC PHẨM
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TUẤN TÚ

CTCP CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG
TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ HỒNG SƠN

ĐẠI DIỆN TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC)



NHŨ THỊ HỒNG LIÊN